

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/11/ 2019

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ - TỈNH HUNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiền

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lũ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lũ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115 /2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8
năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, quyết định
hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1995. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn N, sinh năm 1990. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên

3. *Người làm chứng:*

- Ông Đào Văn O; bà Trần Thị L

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Bà Phạm Thị N

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2019, bản tự khai, biên bản lấy
lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn N được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2008 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Cách đây hai tháng, vợ chồng cãi nhau, chị xin phép bố mẹ chồng mang con sang bên ngoại chơi mấy hôm. Hôm sau anh N gọi chị về nói chuyện và bảo chị làm đơn ly hôn. Hiện nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Anh N có lời khai thống nhất với chị M về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân. Tuy nhiên, theo anh N thì vợ chồng mâu thuẫn từ ngay sau khi kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, từ chuyện nhỏ cũng cãi vã, khiến bố mẹ anh đã 3 lần phải sang gia đình chị M nói chuyện, hòa giải vợ chồng. Lần gần đây nhất, vợ chồng mâu thuẫn về việc anh không đồng ý cho chị M mang con về bên ngoại chơi. Khoảng 1, 2 ngày sau, chị M mang đơn ly hôn về bảo anh ký. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị M được nữa và nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh N cùng thống nhất trình bày: Vợ chồng có một con chung là cháu Đào Gia H, sinh ngày 02/3/2019. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi con chung, mức thu nhập của chị khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có nguyện vọng nuôi con và xác định mức thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng đến 9.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để đảm bảo cho con cuộc sống tốt. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ vợ chồng: Chị M, anh N đều có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Đào Văn O, bà Trần Thị L trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng không hòa hợp về tính nết, thường xuyên cãi vã, rất nhiều lần ông bà đã phải đứng ra giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại cãi vã, không nói chuyện được với nhau, gia đình ông bà cũng không tham gia nữa. Nay chị M có đơn xin ly hôn tại Tòa án, ông bà để chị M và anh N tự quyết định.

Người làm chứng bà Phạm Thị N trình bày: Mâu thuẫn giữa chị M và anh N chủ yếu xuất phát từ hai vợ chồng. Bà nghe chị M nói rằng anh N tính nết không

thật thà, hay dối trá nên vợ chồng không tin tưởng nhau để chung sống. Nay chị M xin ly hôn bà xác định là quyền của chị M.

Xác minh tại UBND xã P được biết: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của chị M, anh N do UBND xã P cấp ngày 04/4/2018, vào sổ đăng ký kết hôn số 18/2018. Về tình trạng hôn nhân của chị M, anh N, UBND xã được biết là sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau rất hay cãi vã, bất đồng quan điểm, không hòa thuận. Nay chị M có đơn xin ly hôn với anh N thì đó là việc riêng của anh chị và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N trình bày là không nhận được giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án nên không đến Tòa. Khi Tòa án cùng cán bộ địa phương về gia đình gặp gỡ, làm việc trực tiếp với anh N, giao các văn bản tố tụng trực tiếp cho anh N thì anh không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án không phải hòa giải hai vợ chồng, đồng thời từ chối không đến tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị M và anh N phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, tương xuyên cãi vã và không tin tưởng nhau. Vợ chồng chính thức sống ly thân được 3 tháng nay. Chị M và anh N đều xác định không thể tiếp tục chung sống và đều nhất trí xin ly hôn. Nên đề nghị HĐXX cho chị M ly hôn anh N. Về con chung: Chị M và anh N đều có ý kiến xin nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên cháu Đào Gia H dưới 36 tháng tuổi, hiện còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao con cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ: Do chị M và anh N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn N có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 30/10/2019 nên Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 30/10/2019. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh N có có đăng ký kết hôn tại UBND xã P theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/04/2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có thời gian chung sống rất ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính nết không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh chị đều xác định không còn tình cảm và không đoàn tụ được, không thể tiếp tục chung sống. HĐXX xác định anh chị không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M.

[3]. Về con chung: Anh chị có con chung là cháu Đào Gia H, sinh ngày 02/03/2019. Chị M và anh N đều có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy cháu Hân dưới 36 tháng tuổi, còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu H cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, thành niên, tự lập được. Thu nhập của chị M bình quân là 6.000.000 đồng/tháng đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng cháu H, do vậy chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lý trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS:

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Đào Văn N.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đào Gia H, sinh ngày 02/03/2019 cho chị Phạm Thị M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Anh N được quyền thăm nom cháu H, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004465 ngày 16/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P (CNKH số 18/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

